

Kinh Bắc, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Số: 13 /TB-CNGT

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai dự thảo phương Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong (Phần diện tích đất thuộc thôn Thiểm Xuyên, xã Tam Đa và phần diện tích xâm canh của các hộ gia đình thôn Trung Lạc, xã Yên Trung)

Địa điểm: Tại thôn Thiểm Xuyên, xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ tại các số: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 về việc Quy định điều tra cơ bản về đất đai; đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ Nghị Quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính Phủ về việc tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh.

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-TTg ngày 21/7/2022 của Thủ tướng chính phủ v/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa tại huyện Yên Phong;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp hỗ trợ Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong;



Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa;

Căn cứ Quyết định số 7028/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Yên Phong về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

Căn cứ Nghị Quyết số 386/NQ-HĐND ngày 17/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh và thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (đợt 1);

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 về việc Ban hành Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 33/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 về việc Ban hành Quy định chi tiết, hướng dẫn về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 06/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 về việc Ban hành Quy định chi tiết, hướng dẫn về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 52/2025/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất và mức bồi thường tài sản là công trình xây dựng phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 89/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Văn bản số 473/SNNMT-VP ngày 23/7/2025 về việc triển khai các nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị Quyết số 128/2025/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất và quyết định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một số trường hợp áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026;

N QU
NHÂN
NG TÁ
T TRIỆ
Y ĐẤT
THUẬ
*

Căn cứ văn bản số 06/TKCS-HC ngày 12/01/2026 của Thống kê cơ sở Yên Phong;

Căn cứ Công văn số 30/CV-PX ngày 21/01/2026 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Phú Xuân về việc phối hợp triển khai dự án xây dựng Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong;

Căn cứ trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt tại số 77/TĐBĐ ngày 20/9/2022;

Căn cứ hồ sơ sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Gia Thuận tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong, nay là xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh.

(Có dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)

Địa điểm niêm yết tại: - Trụ sở UBND xã Tam Đa, xã Yên Trung.

- Nhà văn hóa thôn Thiêm Xuyên.

- Nhà văn hóa thôn Trung Lạc.

Thời gian niêm yết:

Trong thời gian 10 ngày, từ ngày 23/01/2026 đến hết ngày 02/02/2026.

Trong thời gian tổ chức công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương. Đề nghị UBND xã Tam Đa, UBND xã Yên Trung, Ban lãnh đạo thôn Thiêm Xuyên và Ban lãnh đạo thôn Trung Lạc phối hợp với đơn vị bố trí cán bộ trực tiếp thu ý kiến đóng góp của các hộ gia đình, cá nhân, người có quyền lợi liên quan (nếu có).

Vậy Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Gia Thuận thông báo để các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nắm bắt phối hợp và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tam Đa (b/c);
- UBND xã Yên Trung (b/c);
- Phòng Kinh tế xã Tam Đa (p/h);
- Phòng Kinh tế xã Yên Trung (p/h);
- Ban lãnh đạo thôn Thiêm Xuyên (p/h);
- Ban lãnh đạo thôn Trung Lạc (p/h);
- Giám đốc, Phó GD TT;
- Phòng BT GPMB thuộc Trung tâm;
- Lưu: VP, HSĐĐ.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Tuấn

Kinh Bắc, ngày 22 tháng 01 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong (Phần diện tích đất thuộc thôn Thiểm Xuyên, xã Tam Đa - bao gồm cả phần diện tích xâm canh của các hộ gia đình thôn Trung Lạc, xã Yên Trung)

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ tại các số: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 về việc Quy định điều tra cơ bản về đất đai; đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ Nghị Quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính Phủ về việc tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh.

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-TTg ngày 21/7/2022 của Thủ tướng chính phủ v/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa tại huyện Yên Phong;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp hỗ trợ Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa;

Căn cứ Quyết định số 7028/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Yên Phong về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

Căn cứ Nghị Quyết số 386/NQ-HĐND ngày 17/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh và thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (đợt 1);

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 về việc Ban hành Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 33/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 về việc Ban hành Quy định chi tiết, hướng dẫn về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 06/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 về việc Ban hành Quy định chi tiết, hướng dẫn về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Số 52/2025/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất và mức bồi thường tài sản là công trình xây dựng phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tỉnh Bắc Ninh; Số 89/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Văn bản số 473/SNNMT-VP ngày 23/7/2025 về việc triển khai các nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị Quyết số 128/2025/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất và quyết định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một số trường hợp áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026;

Căn cứ văn bản số 06/TKCS-HC ngày 12/01/2026 của Thống kê cơ sở Yên Phong;

Căn cứ Công văn số 30/CV-PX ngày 21/01/2026 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Phú Xuân về việc phối hợp triển khai dự án xây dựng Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong;

Căn cứ trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt tại số 77/TĐBĐ ngày 20/9/2022;

Căn cứ hồ sơ sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Gia Thuận lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa, huyện Yên Phong (Phần diện tích thuộc thôn Thiểm Xuyên, xã Tam Đa - bao gồm cả phần diện tích xâm canh của các hộ gia đình thôn Trung Lạc, xã Yên Trung); Cụ thể như sau:

I. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm:

1. Tổng diện tích thu hồi: 268.106,3 m²

Trong đó:

- Đất nông nghiệp:	227.257,1 m ²
+ Đất chuyên trồng lúa nước (LUC):	227.257,1 m ²
- Đất phi nông nghiệp:	40.823,2 m ²
+ Đất giao thông (DGT):	24.694,3 m ²
+ Đất thủy lợi (DTL):	11.170,7 m ²
+ Đất mặt nước chuyên dùng (MNC):	2.749,8 m ²
+ Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):	2.208,4 m ²
- Đất chưa sử dụng:	26,0 m ²
+ Đất bằng chưa sử dụng (BCS):	26,0 m ²

2. Vị trí khu đất thu hồi: Tại thôn Thiểm Xuyên, xã Tam Đa tỉnh Bắc Ninh theo ranh giới trên trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt tại số 77/TĐBĐ ngày 20/9/2022.

3. Mục đích sử dụng đất: 268.106,3 m²

- Thu hồi đất để thực hiện dự án:	264.284,6 m ²
- Thu hồi đất nông nghiệp khó canh tác:	3.821,7 m ²

4. Tổng số người có đất thu hồi:

Tổng số lượt hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất thu hồi: 323 hộ gia đình và 01 tổ chức.

5. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hỗ trợ bằng bằng 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh.

6. Phương án bố trí tái định cư: Không.

7. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi:

Không.

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Dự kiến trong Quý I năm 2026.

9. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ:

- Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ địa phương không có quỹ

đất nông nghiệp để bồi thường bằng đất nông nghiệp đồng thời không có quỹ đất, quỹ nhà ở để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bồi thường bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất. Do vậy đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường bằng tiền.

- Đối với phần diện tích của 04 hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thời điểm đơn vị lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân đã được UBND xã Thụy Hòa (cũ) xác nhận đất có nguồn gốc được nhà nước giao theo tiêu chuẩn định xuất, các thửa đất được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề do vậy đơn vị lập phương án tạm tích là đất được giao ổn định lâu dài. Căn cứ hồ sơ sử dụng đất của các, hộ gia đình, cá nhân để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất và có đủ căn cứ hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân đề nghị UBND xã Tam Đa xem xét quyết định công nhận 04 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 3.631,6 m² đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước khi phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ.

II. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như sau:

1. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất:

1.1. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài bao gồm các khoản sau:

- Bồi thường về đất: 90.000 đ/m²

- Bồi thường về hoa màu (Lúa): 9.000 đ/m²

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 450.000 đ/m²

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính Phủ và Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Hỗ trợ đất nông nghiệp công ích:

- Hỗ trợ về ngân sách xã = 70% giá đất: 63.000 đ/m²

1.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất thực hiện theo quy định tại:

- Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất và mức bồi thường tài sản là công trình xây dựng phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Diện tích đất nông nghiệp không bồi thường, hỗ trợ: 1.750,9 m²

- Đất nông nghiệp đã thu hồi do khó canh tác khi thực hiện dự án KCN Yên Phong 1 mở rộng: 1.266,9 m².

- Đất nông nghiệp đã thu hồi do khó canh tác khi thực hiện dự án đường TL277B: 214,1 m².

- Đất nông nghiệp xác định lại là đất nghĩa địa (lãng mộ): 269,9 m².

3. Diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi bồi thường, hỗ trợ: 225.506,2 m²;

- Đất nông nghiệp nhà nước giao ổn định: 199.109,1 m²

- Đất nông nghiệp công ích: 26.397,1 m²

Trong đó:

3.1. Tại thôn thiêm Xuyên, xã Tam Đa:

- Đất nông nghiệp nhà nước giao ổn định: 197.040,7 m²

(Bao gồm cả 3.631,6 m² đất giao ổn định lâu dài nhưng chưa được cấp GCN QSD đất để nghị UBND xã công nhận để hoàn thiện PA BTHT)

3.2. Tại thôn Trung Lạc, xã Yên Trung (phần diện tích xâm canh):

- Đất nông nghiệp nhà nước giao ổn định: 2.068,4 m²

4. Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất và chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, các chi phí khác bao gồm:

4.1. Số tiền bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài tại thôn thiêm Xuyên, xã Tam Đa: 111.643.090.650 đồng.

+ Bồi thường về đất:

197.040,7 m² x 90.000 đ/m² = 17.733.663.000 đ.

+ Bồi thường hoa màu trên đất: 1.766.992.650 đ.

Không bồi thường hoa màu trên đất với diện tích 2.225,5 m² do các hộ gia đình tự ý chuyển đổi cơ cấu cây trồng và không có hoa màu trên đất

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

197.040,7 m² x 450.000 đ/m² = 88.668.315.000 đ.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống: 3.474.120.000 đ.

4.2. Số tiền bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài tại thôn Trung Lạc, xã Yên Trung (phần diện tích xâm canh): 1.262.031.600 đồng.

+ Bồi thường về đất:

2.068,4 m² x 90.000 đ/m² = 186.156.000 đ.

+ Bồi thường hoa màu trên đất:

2.068,4 m² x 9.000 đ/m² = 18.615.600 đ.

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

2.068,4 m² x 450.000 đ/m² = 930.780.000 đ.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống: 126.480.000 đ.

4.3. Hỗ trợ đất nông nghiệp công ích chưa giao sử dụng: 1.663.017.300 đ

+ Hỗ trợ từ đất thu hồi = 70% giá đất trả về ngân sách xã:

26.397,1 m² x 63.000 đ/m² = 1.663.017.300 đ

4.4. Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: 40.437.000 đ

- Mồ mả di chuyển: 40.437.000 đ

- Không bồi thường, hỗ trợ tài sản tập thể thôn do địa phương chưa cung cấp được hồ sơ nguồn gốc hình thành tài sản và tài sản cây trồng lâu năm của các hộ gia đình, cá nhân sử dụng không đúng mục đích sử dụng đất (không xin phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, công trình xây dựng trên đất)

$$\text{Cộng (4)} = 4.1+4.2+4.3+4.4 = 114.608.576.550 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm mười bốn tỷ, sáu trăm linh tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi đồng)

(Kèm theo phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi)

4.4. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, các chi phí khác bao gồm:

a. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng được lập và trình phê duyệt theo quy định.

b. Các chi phí khác:

Thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp thẩm quyền và theo mức thu của đơn vị thu phí.

5. Phương thức thanh toán: Thực hiện theo đúng Quyết định được duyệt và theo quy định hiện hành.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Gia Thuận lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ để tổ chức công khai lấy ý kiến nhân dân t để đơn vị hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đề nghị Phòng Kinh tế xã Tam Đa xem xét thẩm định UBND xã Tam Đa phê duyệt./.



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI CHUYỂN TÀI SẢN MÔ MẢ
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP YÊN TRUNG - THỤY HÒA, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

Địa điểm khu đất: Tại thôn Thiêm Xuyên - Xã Tam Đa - Tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo phương án dự thảo theo Thông báo số 1/2017/BB-CMGT ngày 2 tháng 1 năm 2017 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Gia Thuận)

STT	Tên chủ tài sản	Số thửa	Loại tài sản	Số lượng /Khối lượng	Đvt	Đơn giá (đồng)				Thành tiền	Ghi chú
						Chi phí xây dựng	Chi phí đào, bóc	Bồi thường di chuyển	Hỗ trợ chi phí khác		
1	Nguyễn Như Phòng	3	Mộ xây tròn cụ lâu đời không nhớ tên	1	cái	2.847.000	8.000.000	7.000.000	3.000.000	20.847.000	
2	Nguyễn Văn Dương	4	Mộ đất không nhớ tên	1	cái	1.590.000	8.000.000	7.000.000	3.000.000	19.590.000	
	Cộng					4.437.000	16.000.000	14.000.000	6.000.000	40.437.000	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ KHỐI LƯỢNG, SỐ LƯỢNG TÀI SẢN CÂY TRỒNG, VẬT KIẾN TRÚC TRÊN ĐẤT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP YÊN TRUNG - THUY HÒA TẠI HUYỆN YÊN PHONG

Địa điểm khu đất: Tại thôn Thiêm Xuyên - Xã Tam Đa - Tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo phương án dự thảo theo Thông báo số 13 /TB-CNGT ngày 28 tháng 04 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm PTQĐ Gia Thuận)

Stt	Tên chủ sử dụng	Tờ ĐD	Số thửa	Loại tài sản	Chủng loại, kích thước	Đvt	Số lượng		Ghi chú	
							Kiểm kê	Bồi thường		
1	Tập thể thôn Thiêm Xuyên			1	Công tròn	Ø 400	cái	8	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				2	Công tròn	Ø 600	cái	20	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				3	Công tròn	Ø 800	cái	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
2	Nguyễn Thị Phái	4	118	1	Cây bưởi	3 cm ≤ĐK góc<5 cm	Cây	3	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				2	Cây xoài	8 cm ≤ĐK góc<14 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				3	Cây ổi	5 cm ≤ĐK góc<10 cm	Cây	3	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
3	Nguyễn Như Phòng	3	105	1	Cây bưởi	10 cm ≤ĐK góc<20 cm	Cây	41	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				2	Cây đu đủ	cao > 2m	Cây	6	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				3	Cây ổi	5 cm ≤ĐK góc<10 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				4	Cây mít	3 cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				5	Cây chuối	1m ≤cao< 2 m	Cây	6	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
					Cây chuối	cao > 2m	Cây	70	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				6	Cây Đinh Lăng	cao > 1m	Cây	3	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
4	Nguyễn Như Dân	2	140	7	Hàng rào sắt B40		m			Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				1	Cây sấu	3 cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				2	Cây ổi	10 cm ≤ĐK góc< 20 cm	Cây	2	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				3	Cây sung	20 cm ≤ĐK góc< 30 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				4	Cây sanh	15 cm ≤ĐK góc< 20 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				5	Cọc trụ		Cái	42	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				5	Nguyễn Đắc Nhung	2	112	1	Cây chuối	cao < 0,5 cm
					Cây chuối	0,5 m < cao ≤ 1m	Cây	60	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
					Cây chuối	1 m < cao ≤ 2m	Cây	50	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
					Cây chuối	cao > 2m	Cây	30	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
			2		Cây Mít	3 cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	10	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
					Cây Mít	8 cm ≤ĐK góc< 14 cm	Cây	6	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ

Stt	Tên chủ sử dụng	Tờ ĐĐ	Số thửa	Loại tài sản	Chủng loại, kích thước	Đvt	Số lượng		Ghi chú
							Kiểm kê	Bồi thường	
				3 Cây Hồng Xiêm	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	13	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				4 Cây bưởi	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	12	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				5 Cây Nhãn	3cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	4	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				6 Cây Ôi	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	2	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				7 Cây Na	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	2	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				8 Cây Cóc (Sầu)	3cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				9 Cây Sung	15 cm ≤ĐK góc< 20 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				10 Cây Táo	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				11 Cây Xoài	3 cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				12 Cây Roi	10 cm ≤ĐK góc< 20 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				13 Cây đu đủ	cao > 2m	Cây	2	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				14 Cây Chanh	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	13	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				15 Lầu phục vụ uống	6,3 m x 4,1m	m2	25,8	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
6	Nguyễn Tiên Chung	4	200	1 Cây ôi	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	13	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				2 Cây bưởi	3 cm ≤ĐK góc< 5 cm	Cây	8	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây bưởi	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	12	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				3 Cây Mít	3 cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				4 Cây Khé	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				5 Cây Cóc (Sầu)	3 cm ≤ĐK góc< 8 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				6 Cây Hồng Xiêm	3 cm ≤ĐK góc< 5 cm	Cây	4	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				7 Cây Sra	5 cm ≤ĐK góc< 10 cm	Cây	13	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				8 Cây Đinh Lăng	cao > 1m	Cây	3	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				9 Tường xây gạch 110	(27,4 + 25,5)m x 1,5m	m2	17,3	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
7	Nguyễn Thị Bảy	4	204	1 Cây Chuối	cao < 0,5 cm	Cây	50	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây Chuối	0,5 m < cao ≤ 1m	Cây	70	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây Chuối	1 m < cao ≤ 2m	Cây	60	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây Chuối	cao > 2m	Cây	35	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
8	Hoàng Diệu Linh	3	135	1 Cây Chuối	cao < 0,5 cm	Cây	50	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây Chuối	0,5 m < cao ≤ 1m	Cây	50	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây Chuối	1 m < cao ≤ 2m	Cây	27	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ

Stt	Tên chủ sử dụng	Tờ ĐĐ	Số thửa	Loại tài sản	Chung loại, kích thước	Đvt	Số lượng		Ghi chú
							Kiểm kê	Bồi thường	
9	Nguyễn Văn Thanh	2	12011	Cây Chuối	cao > 2m	Cây	12	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây nhãn	3 cm ≤ ĐK góc < 8 cm	Cây	3	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây bưởi	5 cm ≤ ĐK góc < 10 cm	Cây	30	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây mít	3 cm ≤ ĐK góc < 8 cm	Cây	15	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây Hồng Xiêm	3 cm ≤ ĐK góc < 5 cm	Cây	4	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây khế	10 cm ≤ ĐK góc < 20 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây na	3 cm ≤ ĐK góc < 5 cm	Cây	3	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây sưa	10 cm ≤ ĐK góc < 15 cm	Cây	1	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây xoài	8 cm ≤ ĐK góc < 14 cm	Cây	2	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cây sấu	8 cm ≤ ĐK góc < 14 cm	Cây	13	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Cột bê tông		Cái	36	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Khu chăn nuôi: tường 110 xây lửng không chát và lưới B40, mái lợp phibroximang,	6,6m x 3,6m	m2	23,8	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Khung mái tôn	5,2m x 2,3m	m2	12,0	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
				Lán trồng coi: tường xây 110, quét vôi ve, cửa tôn, mái 1 phần lợp tôn, 1 phần lợp fibro, nền ximang.	14,6m x 4,4m	m2	64,2	0	Không đủ ĐK bồi thường, hỗ trợ
	Cộng								

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯƠNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP YÊN TRUNG - THỤY
HÒA TẠI HUYỆN YÊN PHONG**

Địa điểm khu đất: Tại thôn Thiêm Xuyên - Xã Tam Đa - Tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo phương án dự thảo theo Thông báo số 43 /TB-CNGT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chi
nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Gia Thuận)

TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo						Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m ²	Ghi chú	
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi theo QH (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)					
							TL277 đã thu hồi					Còn lại
1	UBND xã Tam Đa	LUC	1	27	164,1	164,1		0,0	CI	164,1	10.338.300	
2	UBND xã Tam Đa	LUC	1	43	236,5	236,5		0,0	CI	236,5	14.899.500	
3	UBND xã Tam Đa	LUC	1	44	334,5	334,5		0,0	CI	334,5	21.073.500	
4	UBND xã Tam Đa	LUC	1	67	210,6	210,6		0,0	CI	210,6	13.267.800	
5	UBND xã Tam Đa	LUC	1	68	228,0	228,0		0,0	CI	228,0	14.364.000	
6	UBND xã Tam Đa	LUC	1	83	183,9	183,9		0,0	CI	183,9	11.585.700	
7	UBND xã Tam Đa	LUC	1	84	321,7	321,7		0,0	CI	321,7	20.267.100	
8	UBND xã Tam Đa	LUC	1	85	269,3	269,3		0,0	CI	269,3	16.965.900	
9	UBND xã Tam Đa	LUC	1	86	339,2	339,2		0,0	CI	339,2	21.369.600	
10	UBND xã Tam Đa	LUC	1	109	329,5	329,5		0,0	CI	329,5	20.758.500	
11	UBND xã Tam Đa	LUC	1	110	160,2	160,2		0,0	CI	160,2	10.092.600	
12	UBND xã Tam Đa	LUC	1	111	111,5	111,5		0,0	CI	111,5	7.024.500	
13	UBND xã Tam Đa	LUC	1	112	194,6	194,6		0,0	CI	194,6	12.259.800	
14	UBND xã Tam Đa	LUC	1	130	212,3	212,3		0,0	CI	212,3	13.374.900	
15	UBND xã Tam Đa	LUC	1	131	163,3	163,3		0,0	CI	163,3	10.287.900	
16	UBND xã Tam Đa	LUC	1	132	348,5	348,5		0,0	CI	348,5	21.955.500	
17	UBND xã Tam Đa	LUC	1	133	226,1	226,1		0,0	CI	226,1	14.244.300	
18	UBND xã Tam Đa	LUC	1	134	48,1	48,1		0,0	CI	48,1	3.030.300	
19	UBND xã Tam Đa	LUC	1	135	187,1	187,1		0,0	CI	187,1	11.787.300	
20	UBND xã Tam Đa	LUC	1	136	51,0	51,0		0,0	CI	51,0	3.213.000	
21	UBND xã Tam Đa	LUC	1	137	113,3	113,3		0,0	CI	113,3	7.137.900	
22	UBND xã Tam Đa	LUC	1	156	56,0	56,0		0,0	CI	56,0	3.528.000	
23	UBND xã Tam Đa	LUC	1	157	76,3	76,3		0,0	CI	76,3	4.806.900	
24	UBND xã Tam Đa	LUC	1	158	98,4	98,4		0,0	CI	98,4	6.199.200	
25	UBND xã Tam Đa	LUC	1	159	303,1	303,1		0,0	CI	303,1	19.095.300	
26	UBND xã Tam Đa	LUC	1	160	274,1	274,1		0,0	CI	274,1	17.268.300	
27	UBND xã Tam Đa	LUC	1	162	304,7	304,7		0,0	CI	304,7	19.196.100	

TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo							Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m ²	Ghi chú
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi theo QH (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)					
							TL277 đã thu hồi	Còn lại				
28	UBND xã Tam Đa	LUC	1	178	409,3	409,3		0,0	CI	409,3	25.785.900	
29	UBND xã Tam Đa	LUC	1	180	98,4	98,4		0,0	CI	98,4	6.199.200	
30	UBND xã Tam Đa	LUC	1	181	227,3	227,3		0,0	CI	227,3	14.319.900	
31	UBND xã Tam Đa	LUC	1	182	152,8	152,8		0,0	CI	152,8	9.626.400	
32	UBND xã Tam Đa	LUC	1	191	137,3	137,3		0,0	CI	137,3	8.649.900	
33	UBND xã Tam Đa	LUC	1	201	208,3	208,3		0,0	CI	208,3	13.122.900	
34	UBND xã Tam Đa	LUC	1	202	172,5	172,5		0,0	CI	172,5	10.867.500	
35	UBND xã Tam Đa	LUC	1	203	294,6	294,6		0,0	CI	294,6	18.559.800	
36	UBND xã Tam Đa	LUC	1	204	161,3	161,3		0,0	CI	161,3	10.161.900	
37	UBND xã Tam Đa	LUC	1	220	161,7	161,7		0,0	CI	161,7	10.187.100	
38	UBND xã Tam Đa	LUC	1	254	110,4	110,4		0,0	CI	110,4	6.955.200	
39	UBND xã Tam Đa	LUC	1	297	379,9	379,9		0,0	CI	379,9	23.933.700	
40	UBND xã Tam Đa	LUC	2	11	13,3	13,3		0,0	CI	13,3	837.900	
41	UBND xã Tam Đa	LUC	2	19	249,2	249,2		0,0	CI	249,2	15.699.600	
42	UBND xã Tam Đa	LUC	2	20	292,3	292,3		0,0	CI	292,3	18.414.900	
43	UBND xã Tam Đa	LUC	2	104	827,3	827,3		0,0	CI	827,3	52.119.900	
44	UBND xã Tam Đa	LUC	2	107	186,5	186,5		0,0	CI	186,5	11.749.500	
45	UBND xã Tam Đa	LUC	2	108	311,2	311,2		0,0	CI	311,2	19.605.600	
46	UBND xã Tam Đa	LUC	2	116	138,2	138,2		0,0	CI	138,2	8.706.600	
47	UBND xã Tam Đa	LUC	2	119	573,8	573,8		0,0	CI	573,8	36.149.400	
48	UBND xã Tam Đa	LUC	2	120	418,4	418,4		0,0	CI	418,4	26.359.200	
49	UBND xã Tam Đa	LUC	2	134	292,0	292,0		0,0	CI	292,0	18.396.000	
50	UBND xã Tam Đa	LUC	2	135	282,6	282,6		0,0	CI	282,6	17.803.800	
51	UBND xã Tam Đa	LUC	2	215	786,1	785,7		0,4	CI	785,7	49.499.100	
52	UBND xã Tam Đa	LUC	2	216	636,8	636,8		0,0	CI	636,8	40.118.400	
53	UBND xã Tam Đa	LUC	2	217	522,0	522,0		0,0	CI	522,0	32.886.000	
54	UBND xã Tam Đa	LUC	2	218	514,9	514,9		0,0	CI	514,9	32.438.700	
55	UBND xã Tam Đa	LUC	2	219	587,3	587,3		0,0	CI	587,3	36.999.900	
56	UBND xã Tam Đa	LUC	2	225	428,1	428,1		0,0	CI	428,1	26.970.300	
57	UBND xã Tam Đa	LUC	3	33	223,8	223,8		0,0	CI	223,8	14.099.400	
58	UBND xã Tam Đa	LUC	3	38	46,1	46,1		0,0	CI	46,1	2.904.300	
59	UBND xã Tam Đa	LUC	3	39	424,2	424,2		0,0	CI	424,2	26.724.600	

TIỀN
 HÌNH
 RỪNG
 HẠT
 QUỖ
 IA TH

TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo						Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m ²	Ghi chú	
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi theo QH (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)						
							TL277 đã thu hồi						Còn lại
60	UBND xã Tam Đa	LUC	3	40	209,5	209,5		0,0	CI	209,5	13.198.500		
61	UBND xã Tam Đa	LUC	3	46	57,0	57,0		0,0	CI	57,0	3.591.000		
62	UBND xã Tam Đa	LUC	3	47	91,7	91,7		0,0	CI	91,7	5.777.100		
63	UBND xã Tam Đa	LUC	3	48	346,3	346,3		0,0	CI	346,3	21.816.900		
64	UBND xã Tam Đa	LUC	3	49	212,2	212,2		0,0	CI	212,2	13.368.600		
65	UBND xã Tam Đa	LUC	3	50	100,6	100,6		0,0	CI	100,6	6.337.800		
66	UBND xã Tam Đa	LUC	3	55	98,2	98,2		0,0	CI	98,2	6.186.600		
67	UBND xã Tam Đa	LUC	3	72	207,5	207,5		0,0	CI	207,5	13.072.500		
68	UBND xã Tam Đa	LUC	3	82	205,9	205,9		0,0	CI	205,9	12.971.700		
69	UBND xã Tam Đa	LUC	3	92	142,6	142,6		0,0	CI	142,6	8.983.800		
70	UBND xã Tam Đa	LUC	3	93	282,1	282,1		0,0	CI	282,1	17.772.300		
71	UBND xã Tam Đa	LUC	3	105	371,9	371,9		0,0	CI	371,9	23.429.700		
72	UBND xã Tam Đa	LUC	3	118	767,8	767,8		0,0	CI	767,8	48.371.400		
73	UBND xã Tam Đa	LUC	3	119	255,1	255,1		0,0	CI	255,1	16.071.300		
74	UBND xã Tam Đa	LUC	3	133	166,5	166,5		0,0	CI	166,5	10.489.500		
75	UBND xã Tam Đa	LUC	3	134	198,5	198,5		0,0	CI	198,5	12.505.500		
76	UBND xã Tam Đa	LUC	3	148	414,1	414,1		0,0	CI	414,1	26.088.300		
77	UBND xã Tam Đa	LUC	3	149	196,9	196,9		0,0	CI	196,9	12.404.700		
78	UBND xã Tam Đa	LUC	3	150	92,0	92,0		0,0	CI	92,0	5.796.000		
79	UBND xã Tam Đa	LUC	3	151	322,8	322,8		0,0	CI	322,8	20.336.400		
80	UBND xã Tam Đa	LUC	3	152	90,2	90,2		0,0	CI	90,2	5.682.600		
81	UBND xã Tam Đa	LUC	3	153	280,8	280,8		0,0	CI	280,8	17.690.400		
82	UBND xã Tam Đa	LUC	3	154	318,1	318,1		0,0	CI	318,1	20.040.300		
83	UBND xã Tam Đa	LUC	3	160	55,8	55,8		0,0	CI	55,8	3.515.400		
84	UBND xã Tam Đa	LUC	3	161	119,2	119,2		0,0	CI	119,2	7.509.600		
85	UBND xã Tam Đa	LUC	4	7	498,7	498,7		0,0	CI	498,7	31.418.100		
86	UBND xã Tam Đa	LUC	4	18	197,2	197,2		0,0	CI	197,2	12.423.600		
87	UBND xã Tam Đa	LUC	4	19	198,0	198,0		0,0	CI	198,0	12.474.000		
88	UBND xã Tam Đa	LUC	4	23	508,0	508,0		0,0	CI	508,0	32.004.000		
89	UBND xã Tam Đa	LUC	4	33	229,8	229,8		0,0	CI	229,8	14.477.400		
90	UBND xã Tam Đa	LUC	4	34	60,4	60,4		0,0	CI	60,4	3.805.200		
91	UBND xã Tam Đa	LUC	4	35	333,2	333,2		0,0	CI	333,2	20.991.600		

DUY
 ANH
 TÂM
 TRIỂN
 ĐẤT
 QUẢN

TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo						Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m ²	Ghi chú	
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi theo QH (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)						
							TL277 đã thu hồi						Còn lại
92	UBND xã Tam Đa	LUC	4	36	316,0	316,0		0,0	CI	316,0	19.908.000		
93	UBND xã Tam Đa	LUC	4	43	100,0	100,0		0,0	CI	100,0	6.300.000		
94	UBND xã Tam Đa	LUC	4	47	170,4	170,4		0,0	CI	170,4	10.735.200		
95	UBND xã Tam Đa	LUC	4	48	338,8	338,8		0,0	CI	338,8	21.344.400		
96	UBND xã Tam Đa	LUC	4	50	92,8	92,8		0,0	CI	92,8	5.846.400		
97	UBND xã Tam Đa	LUC	4	51	42,1	42,1		0,0	CI	42,1	2.652.300		
98	UBND xã Tam Đa	LUC	4	52	131,5	131,5		0,0	CI	131,5	8.284.500		
99	UBND xã Tam Đa	LUC	4	53	111,0	111,0		0,0	CI	111,0	6.993.000		
100	UBND xã Tam Đa	LUC	4	65	137,5	137,5		0,0	CI	137,5	8.662.500		
101	UBND xã Tam Đa	LUC	4	66	389,8	389,8		0,0	CI	389,8	24.557.400		
102	UBND xã Tam Đa	LUC	4	67	205,2	205,2		0,0	CI	205,2	12.927.600		
103	UBND xã Tam Đa	LUC	4	68	154,1	154,1		0,0	CI	154,1	9.708.300		
104	UBND xã Tam Đa	LUC	4	69	98,5	98,5		0,0	CI	98,5	6.205.500		
105	UBND xã Tam Đa	LUC	4	70	96,3	96,3		0,0	CI	96,3	6.066.900		
106	UBND xã Tam Đa	LUC	4	71	407,2	407,0		0,2	CI	407,0	25.641.000		
107	UBND xã Tam Đa	LUC	4	72	437,7	93,9		343,8	CI	93,9	5.915.700		
108	UBND xã Tam Đa	LUC	4	126	70,2	70,2		0,0	CI	70,2	4.422.600		
109	UBND xã Tam Đa	LUC	1	1	2,9	2,9		0,0	QL	0,0	0,0	Đã thu hồi do Khó canh tác dự án KCN Yên Phong I mở rộng	
110	UBND xã Tam Đa	LUC	1	7	61,3	61,3		0,0	QL	0,0	0,0		
111	UBND xã Tam Đa	LUC	1	8	32,5	32,5		0,0	QL	0,0	0,0		
112	UBND xã Tam Đa	LUC	1	9	0,6	0,6		0,0	QL	0,0	0,0		
113	UBND xã Tam Đa	LUC	1	10	6,6	6,6		0,0	QL	0,0	0,0		
114	UBND xã Tam Đa	LUC	1	11	58,9	58,9		0,0	QL	0,0	0,0		
115	UBND xã Tam Đa	LUC	1	13	46,0	46,0		0,0	QL	0,0	0,0		
116	UBND xã Tam Đa	LUC	1	24	35,1	35,1		0,0	QL	0,0	0,0		
117	UBND xã Tam Đa	LUC	1	28	31,4	31,4		0,0	QL	0,0	0,0		
118	UBND xã Tam Đa	LUC	1	30	67,6	67,6		0,0	QL	0,0	0,0		
119	UBND xã Tam Đa	LUC	1	31	35,4	35,4		0,0	QL	0,0	0,0		
120	UBND xã Tam Đa	LUC	1	32	62,6	62,6		0,0	QL	0,0	0,0		
121	UBND xã Tam Đa	LUC	1	34	42,4	42,4		0,0	QL	0,0	0,0		
122	UBND xã Tam Đa	LUC	1	35	23,9	23,9		0,0	QL	0,0	0,0		
123	UBND xã Tam Đa	LUC	1	55	94,6	94,6		0,0	QL	0,0	0,0		

TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo							Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m ²	Ghi chú
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi theo QH (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)					
							TL277 đã thu hồi	Còn lại				
124	UBND xã Tam Đa	LUC	1	56	43,3	43,3		0,0	QL	0,0	0,0	
125	UBND xã Tam Đa	LUC	2	1	24,1	24,1		0,0	QL	0,0	0,0	
126	UBND xã Tam Đa	LUC	2	5	7,6	7,6		0,0	QL	0,0	0,0	
127	UBND xã Tam Đa	LUC	2	7	20,0	20,0		0,0	QL	0,0	0,0	
128	UBND xã Tam Đa	LUC	2	9	5,6	5,6		0,0	QL	0,0	0,0	Đã thu hồi do Khó canh tác dự án KCN Yên Phong I mở rộng
129	UBND xã Tam Đa	LUC	2	23	27,3	27,3		0,0	QL	0,0	0,0	
130	UBND xã Tam Đa	LUC	2	24	26,5	26,5		0,0	QL	0,0	0,0	
131	UBND xã Tam Đa	LUC	2	25	43,9	43,9		0,0	QL	0,0	0,0	
132	UBND xã Tam Đa	LUC	2	26	77,7	77,7		0,0	QL	0,0	0,0	
133	UBND xã Tam Đa	LUC	2	27	97,6	97,6		0,0	QL	0,0	0,0	
134	UBND xã Tam Đa	LUC	2	28	135,3	135,3		0,0	QL	0,0	0,0	
135	UBND xã Tam Đa	LUC	2	29	70,8	70,8		0,0	QL	0,0	0,0	
136	UBND xã Tam Đa	LUC	2	30	85,4	85,4		0,0	QL	0,0	0,0	
137	UBND xã Tam Đa	LUC	2	226	388,1	0,2		387,9	QL	0,0	0,0	
138	UBND xã Tam Đa	LUC	2	18	95,6	95,6		0,0	QL	0,0	0,0	
139	UBND xã Tam Đa	LUC	2	114	123,7	10,3	113,4	0,0	QL	0,0	0,0	
140	UBND xã Tam Đa	LUC	2	222	136,9	0,3	136,6	0,0	QL	0,0	0,0	
141	UBND xã Tam Đa	LUC	2	70	428,2	107,7	320,5	0,0	QL	0,0	0,0	
142	UBND xã Tam Đa	DGT	1	2	31,1	19,3		11,8	QL	0,0	0,0	
143	UBND xã Tam Đa	DGT	1	14	914,7	0,4		914,3	QL	0,0	0,0	
144	UBND xã Tam Đa	DGT	1	22	23,5	23,5		0,0	QL	0,0	0,0	
145	UBND xã Tam Đa	DGT	1	25	10,6	10,6		0,0	QL	0,0	0,0	
146	UBND xã Tam Đa	DTL	1	49	31,9	31,9		0,0	QL	0,0	0,0	
147	UBND xã Tam Đa	DTL	1	54	9,4	9,4		0,0	QL	0,0	0,0	
148	UBND xã Tam Đa	DGT	1	76	399,8	399,8		0,0	QL	0,0	0,0	
149	UBND xã Tam Đa	DGT	1	81	53,3	53,3		0,0	QL	0,0	0,0	
150	UBND xã Tam Đa	DTL	1	91	188,6	188,6		0,0	QL	0,0	0,0	
151	UBND xã Tam Đa	DTL	1	92	211,0	211,0		0,0	QL	0,0	0,0	
152	UBND xã Tam Đa	DGT	1	93	62,1	62,1		0,0	QL	0,0	0,0	
153	UBND xã Tam Đa	LUC	1	95	269,9	269,9		0,0	QL	0,0	0,0	
154	UBND xã Tam Đa	DTL	1	107	114,0	114,0		0,0	QL	0,0	0,0	
155	UBND xã Tam Đa	DGT	1	108	395,7	395,7		0,0	QL	0,0	0,0	

TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo						Diện tích còn lại (m2)	Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m2)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m2	Ghi chú	
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi theo QH (m2)	Diện tích còn lại						
							TL277 đã thu hồi						Còn lại
156	UBND xã Tam Đa	DTL	1	113	44,9	44,9		0,0	QL	0,0	0,0		
157	UBND xã Tam Đa	DGT	1	117	31,3	31,3		0,0	QL	0,0	0,0		
158	UBND xã Tam Đa	DGT	1	129	194,5	194,5		0,0	QL	0,0	0,0		
159	UBND xã Tam Đa	DTL	1	142	62,7	62,7		0,0	QL	0,0	0,0		
160	UBND xã Tam Đa	DGT	1	143	42,2	42,2		0,0	QL	0,0	0,0		
161	UBND xã Tam Đa	DGT	1	150	671,8	630,0		41,8	QL	0,0	0,0		
162	UBND xã Tam Đa	DTL	1	161	225,7	225,7		0,0	QL	0,0	0,0		
163	UBND xã Tam Đa	DGT	1	165	27,2	27,2		0,0	QL	0,0	0,0		
164	UBND xã Tam Đa	DTL	1	168	8,1	8,1		0,0	QL	0,0	0,0		
165	UBND xã Tam Đa	BCS	1	169	26,0	26,0		0,0	QL	0,0	0,0		
166	UBND xã Tam Đa	DGT	1	179	2172,6	2.172,6		0,0	QL	0,0	0,0		
167	UBND xã Tam Đa	DGT	1	183	192,3	192,3		0,0	QL	0,0	0,0		
168	UBND xã Tam Đa	DRA	1	199	119,2	119,2		0,0	QL	0,0	0,0		
169	UBND xã Tam Đa	DGT	1	200	239,3	239,3		0,0	QL	0,0	0,0		
170	UBND xã Tam Đa	DRA	1	218	919,9	919,9		0,0	QL	0,0	0,0		
171	UBND xã Tam Đa	DTL	1	219	1832,8	1.832,8		0,0	QL	0,0	0,0		
172	UBND xã Tam Đa	DGT	1	232	394,0	394,0		0,0	QL	0,0	0,0		
173	UBND xã Tam Đa	DGT	1	238	826,5	826,5		0,0	QL	0,0	0,0		
174	UBND xã Tam Đa	DRA	1	239	86,8	86,8		0,0	QL	0,0	0,0		
175	UBND xã Tam Đa	DRA	1	270	1082,5	1.082,5		0,0	QL	0,0	0,0		
176	UBND xã Tam Đa	DTL	1	271	1022,2	1.022,2		0,0	QL	0,0	0,0		
177	UBND xã Tam Đa	DGT	1	286	76,5	76,5		0,0	QL	0,0	0,0		
178	UBND xã Tam Đa	DGT	2	10	799,3	0,2		799,1	QL	0,0	0,0		
179	UBND xã Tam Đa	DTL	2	22	22,2	22,2		0,0	QL	0,0	0,0		
180	UBND xã Tam Đa	DTL	2	36	18,2	18,2		0,0	QL	0,0	0,0		
181	UBND xã Tam Đa	DGT	2	48	37,9	8,8		29,1	QL	0,0	0,0		
182	UBND xã Tam Đa	DGT	2	53	250,6	250,6		0,0	QL	0,0	0,0		
183	UBND xã Tam Đa	DTL	2	54	87,0	87,0		0,0	QL	0,0	0,0		
184	UBND xã Tam Đa	DTL	2	66	280,1	197,2		82,9	QL	0,0	0,0		
185	UBND xã Tam Đa	DGT	2	67	456,8	322,0		134,8	QL	0,0	0,0		
186	UBND xã Tam Đa	DTL	2	68	437,8	206,4		231,4	QL	0,0	0,0		
187	UBND xã Tam Đa	DGT	2	69	106,1	47,6		58,5	QL	0,0	0,0		



TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo						Diện tích còn lại (m ²)	Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m ²	Ghi chú	
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi theo QH (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)						
							TL277 đã thu hồi						Còn lại
188	UBND xã Tam Đa	DTL	2	75	317,6	317,6		0,0	QL	0,0	0,0		
189	UBND xã Tam Đa	DTL	2	76	647,0	619,9		27,1	QL	0,0	0,0		
190	UBND xã Tam Đa	DGT	2	77	1185,3	1.168,0		17,3	QL	0,0	0,0		
191	UBND xã Tam Đa	DGT	2	122	1377,9	1.377,7		0,2	QL	0,0	0,0		
192	UBND xã Tam Đa	DTL	2	131	36,1	5,1		31,0	QL	0,0	0,0		
193	UBND xã Tam Đa	DGT	2	138	4184,3	3.925,7		258,6	QL	0,0	0,0		
194	UBND xã Tam Đa	DGT	2	162	63,4	63,4		0,0	QL	0,0	0,0		
195	UBND xã Tam Đa	MNC	2	173	569,2	569,2		0,0	QL	0,0	0,0		
196	UBND xã Tam Đa	DGT	2	174	20,4	20,4		0,0	QL	0,0	0,0		
197	UBND xã Tam Đa	DTL	2	179	285,1	285,1		0,0	QL	0,0	0,0		
198	UBND xã Tam Đa	DGT	2	183	36,9	36,9		0,0	QL	0,0	0,0		
199	UBND xã Tam Đa	DGT	2	200	64,8	64,8		0,0	QL	0,0	0,0		
200	UBND xã Tam Đa	DTL	2	203	1357,4	1.357,4		0,0	QL	0,0	0,0		
201	UBND xã Tam Đa	DGT	2	207	92,7	92,7		0,0	QL	0,0	0,0		
202	UBND xã Tam Đa	DTL	3	24	97,0	97,0		0,0	QL	0,0	0,0		
203	UBND xã Tam Đa	DGT	3	58	3041,8	3.038,3		3,5	QL	0,0	0,0		
204	UBND xã Tam Đa	DTL	3	63	129,5	129,5		0,0	QL	0,0	0,0		
205	UBND xã Tam Đa	DTL	3	95	61,9	61,9		0,0	QL	0,0	0,0		
206	UBND xã Tam Đa	DTL	3	96	75,8	75,8		0,0	QL	0,0	0,0		
207	UBND xã Tam Đa	DGT	3	98	85,0	85,0		0,0	QL	0,0	0,0		
208	UBND xã Tam Đa	DTL	3	120	39,7	39,7		0,0	QL	0,0	0,0		
209	UBND xã Tam Đa	DTL	3	131	1141,4	532,2		609,2	QL	0,0	0,0		
210	UBND xã Tam Đa	DGT	3	159	628,1	0,2		627,9	QL	0,0	0,0		
211	UBND xã Tam Đa	DGT	4	8	34,5	34,5		0,0	QL	0,0	0,0		
212	UBND xã Tam Đa	DGT	4	10	27,7	27,7		0,0	QL	0,0	0,0		
213	UBND xã Tam Đa	MNC	4	20	2180,6	2.180,6		0,0	QL	0,0	0,0		
214	UBND xã Tam Đa	DGT	4	28	11,9	11,9		0,0	QL	0,0	0,0		
215	UBND xã Tam Đa	DGT	4	60	67,2	67,2		0,0	QL	0,0	0,0		
216	UBND xã Tam Đa	DTL	4	92	621,5	506,6		114,9	QL	0,0	0,0		
217	UBND xã Tam Đa	DTL	4	96	27,6	27,6		0,0	QL	0,0	0,0		
218	UBND xã Tam Đa	DTL	4	114	14,2	14,2		0,0	QL	0,0	0,0		
219	UBND xã Tam Đa	DTL	4	115	18,2	18,2		0,0	QL	0,0	0,0		



TT	Thông tin chủ sử dụng đất thu hồi, người có liên quan	Trên bản đồ địa chính trích đo						Nguồn gốc đất	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá hỗ trợ về đất 63.000 đ/m ²	Ghi chú	
		Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi theo QH (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)					
							TL277 đã thu hồi					Còn lại
220	UBND xã Tam Đa	DTL	4	116	587,5	571,8		15,7	QL	0,0	0,0	
221	UBND xã Tam Đa	DGT	4	117	10129,1	6.933,8		3.195,3	QL	0,0	0,0	
222	UBND xã Tam Đa	DTL	4	121	1778,3	1.559,3		219,0	QL	0,0	0,0	
223	UBND xã Tam Đa	DGT	4	122	1320,1	1.215,2		104,9	QL	0,0	0,0	
224	UBND xã Tam Đa	DTL	4	161	753,0	395,6		357,4	QL	0,0	0,0	
225	UBND xã Tam Đa	DTL	4	166	441,9	62,7		379,2	QL	0,0	0,0	
226	UBND xã Tam Đa	DGT	4	167	253,8	18,9		234,9	QL	0,0	0,0	
227	UBND xã Tam Đa	DTL	4	172	15,7	15,7		0,0	QL	0,0	0,0	
228	UBND xã Tam Đa	DTL	4	174	16,7	16,7		0,0	QL	0,0	0,0	
229	UBND xã Tam Đa	DTL	4	196	236,7	178,8		57,9	QL	0,0	0,0	
230	UBND xã Tam Đa	DGT	4	199	100,9	91,7		9,2	QL	0,0	0,0	
	Tổng cộng				78.866,9	68.997,2		570,5	9.299,2		26.397,1	1.663.017.300

I. Tổng diện tích đất thu hồi:	68.997,2 m²
1 Đất nông nghiệp:	28.148,0 m²
- Đất trồng lúa (LUC):	28.148,0 m ²
2 Đất phi nông nghiệp:	40.823,2 m²
- Đất giao thông, thủy lợi (DGT):	24.694,3 m ²
- Đất thủy lợi (DTL):	11.170,7 m ²
- Đất mặt nước chuyên dùng (MNC):	2.749,8 m ²
- Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):	2.208,4 m ²
3 Đất chưa sử dụng	26,0 m²
- Đất bằng chưa sử dụng (BCS):	26,0 m ²
II Mục đích sử dụng:	68.997,2 m²
Để xây dựng dự án theo quy hoạch:	68.997,2 m ²
III Diện tích đất nông nghiệp hỗ trợ ngân sách xã:	26.397,1 m²
(Đất nông nghiệp công ích chưa giao, chưa cho thuê sử dụng)	
IV Kinh phí Hỗ trợ về UBND xã:	1.663.017.300 đ.